TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2026/DS-ST
Ngày: 20-4-2026
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh
2. Ông Lê Văn Tám

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Đậu Thị Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2025/TLST- KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2026/QĐST – KDTM ngày 27 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế A – Trưởng phòng Xử lý nợ (vắng mặt).

Địa chỉ liên hệ: Tầng A, Tòa nhà A, số I C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ủy quyền tham gia tố tụng:

1. Ông Lữ Trọng T - Chuyên viên Xử lý nợ (có mặt).
2. Ông Chu Hồng D1 - Chuyên viên Xử lý nợ (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Công ty cổ phần T2

Địa chỉ trụ sở: Tổ A, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1 – Chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Đỗ Minh Đ, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 1 H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Lữ Trọng T trình bày:

Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần T2 đã thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay số: CLC-35580-01 ngày 21/01/2025. Hạn mức cho vay: 1.500.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển (cụ thể: cho thuê giàn giáo). Ngân hàng TMCP V đã giải ngân toàn bộ số tiền vay theo các Khế ước nhận nợ sau:

Khế ước nhận nợ số: 220125-3945105-ONL-36 ngày 22/01/2025. Số tiền nhận nợ: 728.000.000 đồng. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17%/năm, điều chỉnh định kỳ 1 tháng/01 lần theo Biểu lãi suất bán vốn của V1 theo từng thời kỳ.

- Khế ước nhận nợ số: 230125-3945105-ONL-38 ngày 23/01/2025. Số tiền nhận nợ: 772.000.000 đồng. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17%/năm, điều chỉnh định kỳ 1 tháng/01 lần theo Biểu lãi suất bán vốn của V1 theo từng thời kỳ.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, V1 và các bên đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm như sau:

Bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang của ông Nguyễn Văn T1 theo Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-4913/23/SME/BLCN-01 ngày 26/07/2023.

Bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang của ông Đỗ Minh Đ theo Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-4913/23/SME/BLCN-02 ngày 26/07/2023.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên toàn bộ khoản vay đã chuyển quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định từ ngày 15/07/2025. Tính đến ngày 20/4/2026, Công ty cổ phần T2 đã thanh toán cho V1 số tiền lãi là 101.216.910 đồng, tiền nợ gốc chưa thanh toán.

Ngân hàng TMCP V đã nhiều lần liên hệ làm việc với Công ty Cổ phần T2 để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nhưng Công ty Cổ phần T2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần T3 các khoản nợ tính đến ngày 20/4/2026 như sau:

Đối với Khế ước nhận nợ Số: 220125-3945105-ONL-36 ngày 22/01/2025:

Nợ gốc: 728.000.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 9.737.759 đồng

Nợ lãi quá hạn: 143.225.523 đồng

Lãi phạt chậm trả: 747.006 đồng

Tổng cộng cả gốc và lãi: 881.710.288 đồng.

Đối với Khế ước nhận nợ Số: 230125-3945105-ONL-38 ngày 23/01/2025:

Nợ gốc: 772.000.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 10.334.535 đồng

Nợ lãi quá hạn: 151.791.716 đồng

Lãi phạt chậm trả: 792.786 đồng

Tổng cộng cả gốc và lãi: 934.919.037 đồng.

Tổng khoản nợ của 02 khế ước nhận nợ trên tính đến ngày 20/4/2026 là 1.816.629.325 đồng.

Yêu cầu Công ty Cổ phần T2 phải tiếp tục thanh toán lãi quá hạn và lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên kể từ ngày 21/4/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Trường hợp Công ty Cổ phần T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn T1, ông Đỗ Minh Đ phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty Cổ phần T2 theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Tại phiên tòa: Ngân hàng TMCP V giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày và không bổ sung gì thêm.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Minh Đ trình bày:

Ông là cổ đông góp vốn tại Công ty cổ phần T2, ông xác nhận Công ty cổ phần T2 đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V để vay vốn số tiền 1.500.000.000 đồng như trình bày của đại diện Ngân hàng TMCP V.

Ngày 26/7/2023, ông đã đứng ra ký bảo lãnh để Công ty cổ phần T2 vay số tiền 1.500.000.000 đồng, theo Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-4913/23/SME/BLCN-02 ngày 26/07/2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay do Công ty cổ phần T2 gặp khó khăn trong vấn đề tài chính, dẫn đến không có điều kiện thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Ông xác nhận tính đến ngày 20/4/2026 Công ty cổ phần T2 đang nợ Ngân hàng TMCP V tổng số nợ gồm:

Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 20.072.294 đồng

Lãi quá hạn: 295.017.239 đồng

Lãi chậm trả: 1.539.792 đồng

Tổng cộng là: 1.816.629.325 đồng

Nay Ngân hàng TMCP V khởi kiện thì ông Đ có ý kiến như sau:

Ông đồng ý trong phạm vi bảo lãnh của ông thì ông sẽ có trách nhiệm thực hiện thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V trong trường hợp Công ty cổ phần T2 không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Tuy nhiên hiện nay bản thân ông đang gặp khó khăn về tài chính và sức khỏe không đảm bảo nên ông mong muốn Ngân hàng giảm lãi suất để trường hợp ông phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì ông có điều kiện thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra ông Đ không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, ông Đ giữ nguyên toàn bộ ý kiến như đã trình bày và ông không bổ sung gì thêm.

Đối với bị đơn Công ty cổ phần T2 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn Công ty cổ phần T2 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần T2 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Tòa án xem xét. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Minh Đ đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc Công ty cổ phần T3 cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ tính đến ngày 20/4/2026 là 1.816.629.325 đồng.

Trong đó:

Đối với Khế ước nhận nợ Số: 220125-3945105-ONL-36 ngày 22/01/2025:

Nợ gốc: 728.000.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 9.737.759 đồng

Nợ lãi quá hạn: 143.225.523 đồng

Lãi phạt chậm trả: 747.006 đồng

Tổng cộng cả gốc và lãi: 881.710.288 đồng.

Đối với Khế ước nhận nợ Số: 230125-3945105-ONL-38 ngày 23/01/2025:

Nợ gốc: 772.000.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 10.334.535 đồng

Nợ lãi quá hạn: 151.791.716 đồng

Lãi phạt chậm trả: 792.786 đồng

Tổng cộng cả gốc và lãi: 934.919.037 đồng.

Buộc Công ty cổ phần T2 có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/4/2026 cho Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP V cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp Công ty cổ phần T2 không thanh toán đầy đủ số nợ trên cho Ngân hàng TMCP V thì buộc ông Nguyễn Văn T1, ông Đỗ Minh Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ theo nội dung các Hợp đồng bảo lãnh đã ký gồm Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-4913/23/SME/BLCN-01 ngày 26/07/2023 ký giữa ông Nguyễn Văn T1 và Ngân hàng TMCP V và Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-4913/23/SME/BLCN-01 ngày 26/07/2023 ký giữa ông Đỗ Minh Đ và Ngân hàng TMCP V.

Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng tín dụng được ký giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần T2 với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nay có phát sinh tranh chấp nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Bị đơn Công ty cổ phần T2 có địa chỉ trụ sở tại tổ A, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Công ty cổ phần T2, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét tính pháp lý của hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên:

Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần T2 đã thỏa thuận ký hợp đồng cho vay số CLC-35580-01 ngày 21/01/2025. Hạn mức cho vay: 1.500.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển (cụ thể: cho thuê giàn giáo). Hợp đồng được ký bởi người đại diện của Ngân hàng TMCP V và người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần T2. Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng các chủ thể tham gia ký hợp đồng đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện thỏa thuận, nội dung thỏa thuận không trái quy định hay vi phạm điều cấm của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải thi hành.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ hợp đồng tín dụng các bên đã ký và báo cáo tính lãi chi tiết do Ngân hàng TMCP V cung cấp xác định:

Tính đến ngày 20/4/2026 Công ty cổ phần T2 còn nợ Ngân hàng TMCP V khoản tiền như sau:

Đối với Khế ước nhận nợ Số: 220125-3945105-ONL-36 ngày 22/01/2025:

Nợ gốc: 728.000.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 9.737.759 đồng

Nợ lãi quá hạn: 143.225.523 đồng

Lãi phạt chậm trả: 747.006 đồng

Tổng cộng cả gốc và lãi: 881.710.288 đồng.

Đối với Khế ước nhận nợ Số: 230125-3945105-ONL-38 ngày 23/01/2025:

Nợ gốc: 772.000.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 10.334.535 đồng

Nợ lãi quá hạn: 151.791.716 đồng

Lãi phạt chậm trả: 792.786 đồng

Tổng cộng cả gốc và lãi: 934.919.037 đồng.

Tổng khoản nợ của 02 khế ước nhận nợ trên trên tính đến ngày 20/4/2026 là 1.816.629.325 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu Công ty cổ phần T2 cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh quá trình vay và thanh toán của mình, tuy nhiên Công ty cổ phần T2 từ chối tham gia tố tụng, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Trong trường hợp này bị đơn được xem là cố tình vắng mặt nhằm từ chối thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Minh Đ là người đứng ra bảo lãnh cho khoản vay trên của Công ty cổ phần T2 đồng thời ông Đ cũng là một trong những cổ đông của Công ty cổ phần T2 đã xác nhận khoản vay, đồng thời xác nhận tính đến thời điểm hiện nay Công ty cổ phần T2 do sản xuất kinh

doanh gặp nhiều khó khăn nên chưa thanh toán được nợ cho Ngân hàng TMCP V và xác nhận toàn bộ số nợ như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

[2.2.1]. Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc của Ngân hàng thấy: Việc Công ty cổ phần T2 không thanh toán nợ đúng hạn là vi phạm thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần T2. Do đó căn cứ vào quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự cần buộc Công ty cổ phần T2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng.

[2.2.2]. Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi thấy: Ngân hàng TMCP V xác định tính đến ngày 20/4/2026 các khoản tiền lãi Công ty cổ phần T2 phải có nghĩa vụ thanh toán gồm:

Đối với Khế ước nhận nợ Số: 220125-3945105-ONL-36 ngày 22/01/2025:

Nợ lãi trong hạn: 9.737.759 đồng

Nợ lãi quá hạn: 143.225.523 đồng

Lãi phạt chậm trả: 747.006 đồng

Đối với Khế ước nhận nợ Số: 230125-3945105-ONL-38 ngày 23/01/2025:

Nợ lãi trong hạn: 10.334.535 đồng

Nợ lãi quá hạn: 151.791.716 đồng

Lãi phạt chậm trả: 792.786 đồng

Căn cứ thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thể hiện mức lãi suất cho vay ban đầu là 17%/năm và lãi suất được điều chỉnh một tháng một lần với biên độ 11,3%, từ thời điểm ngày 23/7/2025 đến ngày 20/4/2026 mức lãi suất được điều chỉnh là 17,1% là trong biên độ 11,3% đã thỏa thuận; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn và lãi phạt chậm trả thỏa thuận là 10%.

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định lãi suất trong hoạt động cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng được áp dụng theo cơ chế tự thỏa thuận, miễn không chạm mức lãi suất do pháp luật hình sự cấm thì được công nhận. Do đó mức lãi suất cho vay thể hiện tại hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần T2 là phù hợp.

Việc Công ty cổ phần T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngoài việc thanh toán nợ gốc thì Công ty còn phải thanh toán lãi trong hạn và các khoản lãi quá hạn, lãi phạt đã thỏa thuận theo hợp đồng.

Do đó, Ngân hàng TMCP V yêu cầu Công ty cổ phần T2 phải thanh toán các khoản lãi tính đến ngày 20/4/2026 là 316.629.325 đồng và Công ty T2 phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 21/4/2026 cho đến khi Ngân hàng thu hồi hết nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Xét các hợp đồng bảo lãnh đã ký giữa Ngân hàng TMCP V và ông Nguyễn Văn T1, ông Đỗ Minh Đ, thấy:

Để bảo đảm cho khoản vay trên, Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần T2, ông Nguyễn Văn T1, ông Đỗ Minh Đ đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm như sau:

Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-4913/23/SME/BLCN-01 ngày 26/07/2023 ký giữa ông Nguyễn Văn T1 và Ngân hàng TMCP V và Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-4913/23/SME/BLCN-01 ngày 26/07/2023 ký giữa ông Đỗ Minh Đ và Ngân hàng TMCP V.

Các cam kết tại các Hợp đồng bảo lãnh trên được ông ông T1, ông Đ, và Ngân hàng TMCP V tự nguyện ký và phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Ông Đ thừa nhận ông đã ký hợp đồng bảo lãnh để bảo đảm cho khoản vay trên của Công ty cổ phần T2.

Do đó, căn cứ vào cam kết tại các Hợp đồng bảo lãnh của ông T1, ông Đ thì Ngân hàng TMCP V yêu cầu trong trường hợp Công ty cổ phần T2 không thanh toán đầy đủ số nợ trên thì buộc người bảo lãnh là ông T1, ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền mà Công ty cổ phần T2 còn nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 335, 336, 342 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên cần buộc bị đơn Công ty cổ phần T2 đóng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 66.498.879 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Điều 335, 336, 338, 339, 342, 463, 466 Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 100 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Điều 13, 14, 21 Thông tư quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng số 21/VBHN-NHNN ngày 16/7/2024 của Ngân hàng N;

Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty cổ phần T2 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Buộc Công ty cổ phần T3 cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ tính đến

ngày 20/4/2026 là 1.816.629.325đ (một tỷ tám trăm mười sáu triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng).

Trong đó:

Đối với Khế ước nhận nợ Số: 220125-3945105-ONL-36 ngày 22/01/2025:

Nợ gốc: 728.000.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 9.737.759 đồng

Nợ lãi quá hạn: 143.225.523 đồng

Lãi phạt chậm trả: 747.006 đồng

Tổng cộng cả gốc và lãi: 881.710.288 đồng.

Đối với Khế ước nhận nợ Số: 230125-3945105-ONL-38 ngày 23/01/2025:

Nợ gốc: 772.000.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 10.334.535 đồng

Nợ lãi quá hạn: 151.791.716 đồng

Lãi phạt chậm trả: 792.786 đồng

Tổng cộng cả gốc và lãi: 934.919.037 đồng.

Buộc Công ty cổ phần T2 có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/4/2026 cho Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP V cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp Công ty cổ phần T2 không thanh toán đầy đủ số nợ trên cho Ngân hàng TMCP V thì buộc ông Nguyễn Văn T1, ông Đỗ Minh Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký gồm Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-4913/23/SME/BLCN-01 ngày 26/07/2023 ký giữa ông Nguyễn Văn T1 và Ngân hàng TMCP V và Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-4913/23/SME/BLCN-01 ngày 26/07/2023 ký giữa ông Đỗ Minh Đ và Ngân hàng TMCP V.

2. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Công ty cổ phần T2 phải nộp số tiền là 66.498.879đ (sáu mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng).

H lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 29.625.000đ (hai mươi chín triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0040963 ngày 21/11/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a,

7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HM;
- VKSND KV12-Tp.HCM;
- THA dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Hiền